

STT	NHÓM CHỈ TIÊU	CHỈ SỐ	CƠ QUAN	ĐƠN VỊ	LOẠI ĐƠN VỊ	TỶ LỆ %	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
80	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	100	18
81	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Công Thương - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	100	18
82	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Dân tộc và Tôn giáo - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	100	18
83	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Giáo dục và Đào tạo - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	100	18
84	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Khoa học và Công nghệ - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	100	18
85	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Nông nghiệp và Môi trường - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	100	18
86	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Nội vụ - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	100	18
87	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Tài chính - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	100	18
88	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Tư pháp - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	100	18
89	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	100	18
90	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Xây dựng - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	100	18
91	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Y tế - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	100	18
92	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND Phường Cam Ranh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
93	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Ba Ngòi	Ủy ban nhân dân xã	100	18
94	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Bảo An	Ủy ban nhân dân xã	100	18
95	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Bắc Cam Ranh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
96	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Bắc Nha Trang	Ủy ban nhân dân xã	100	18
97	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Cam Linh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
98	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Hòa Thắng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
99	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Nam Nha Trang	Ủy ban nhân dân xã	100	18
100	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Nha Trang	Ủy ban nhân dân xã	100	18
101	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Ninh Chữ	Ủy ban nhân dân xã	100	18
102	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Ninh Hòa	Ủy ban nhân dân xã	100	18
103	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Phan Rang	Ủy ban nhân dân xã	100	18
104	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Tây Nha Trang	Ủy ban nhân dân xã	100	18
105	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Đô Vinh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
106	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Đông Hải	Ủy ban nhân dân xã	100	18
107	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Đông Ninh Hòa	Ủy ban nhân dân xã	100	18
108	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND tỉnh Khánh Hòa	Tỉnh	100	18
109	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Anh Dũng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
110	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Bắc Ái	Ủy ban nhân dân xã	100	18
111	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Bắc Ái Tây	Ủy ban nhân dân xã	100	18
112	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Bắc Ái Đông	Ủy ban nhân dân xã	100	18
113	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Bắc Khánh Vĩnh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
114	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Bắc Ninh Hòa	Ủy ban nhân dân xã	100	18
115	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Cam An	Ủy ban nhân dân xã	100	18

116	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Cam Hiệp	Ủy ban nhân dân xã	100	18
117	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Cam Lâm	Ủy ban nhân dân xã	100	18
118	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Cà Ná	Ủy ban nhân dân xã	100	18
119	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Công Hải	Ủy ban nhân dân xã	100	18
120	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Diên Khánh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
121	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Diên Lâm	Ủy ban nhân dân xã	100	18
122	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Diên Lạc	Ủy ban nhân dân xã	100	18
123	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Diên Thọ	Ủy ban nhân dân xã	100	18
124	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Diên Điền	Ủy ban nhân dân xã	100	18
125	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Hòa Trí	Ủy ban nhân dân xã	100	18
126	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Khánh Sơn	Ủy ban nhân dân xã	100	18
127	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Khánh Vĩnh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
128	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Lâm Sơn	Ủy ban nhân dân xã	100	18
129	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Mỹ Sơn	Ủy ban nhân dân xã	100	18
130	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Nam Cam Ranh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
131	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Nam Khánh Vĩnh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
132	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Nam Ninh Hòa	Ủy ban nhân dân xã	100	18
133	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Ninh Hải	Ủy ban nhân dân xã	100	18
134	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Ninh Phước	Ủy ban nhân dân xã	100	18
135	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Ninh Sơn	Ủy ban nhân dân xã	100	18
136	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Phước Dinh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
137	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Phước Hà	Ủy ban nhân dân xã	100	18
138	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Phước Hậu	Ủy ban nhân dân xã	100	18
139	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Phước Hữu	Ủy ban nhân dân xã	100	18
140	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Suối Dầu	Ủy ban nhân dân xã	100	18
141	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Suối Hiệp	Ủy ban nhân dân xã	100	18
142	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Thuận Bắc	Ủy ban nhân dân xã	100	18
143	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Thuận Nam	Ủy ban nhân dân xã	100	18
144	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Trung Khánh Vĩnh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
145	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Tu Bông	Ủy ban nhân dân xã	100	18
146	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Tân Định	Ủy ban nhân dân xã	100	18
147	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Tây Khánh Sơn	Ủy ban nhân dân xã	100	18
148	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Tây Khánh Vĩnh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
149	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Tây Ninh Hòa	Ủy ban nhân dân xã	100	18
150	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Vĩnh Hải	Ủy ban nhân dân xã	100	18
151	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Vạn Hưng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
152	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Vạn Ninh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
153	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Vạn Thắng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
154	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Xuân Hải	Ủy ban nhân dân xã	100	18
155	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Đông Khánh Sơn	Ủy ban nhân dân xã	100	18
156	Tổng hợp	Điểm công khai minh bạch	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Đại Lãnh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
159	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	90,91	20
160	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Dân tộc và Tôn giáo - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	90,91	20
161	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Khoa học và Công nghệ - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	90,91	20
162	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Nội vụ - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	90,91	20
163	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	90,91	20

164	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Xây dựng - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	90,91	20
165	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Y tế - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	90,91	20
166	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND Phường Cam Ranh	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
167	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Ba Ngòi	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
168	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Bảo An	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
169	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Bắc Cam Ranh	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
170	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Bắc Nha Trang	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
171	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Cam Linh	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
172	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Hòa Thắng	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
173	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Nam Nha Trang	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
174	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Ninh Chữ	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
175	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Ninh Hòa	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
176	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Phan Rang	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
177	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Đô Vinh	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
178	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Đông Hải	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
179	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Đông Ninh Hòa	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
180	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Anh Dũng	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
181	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Bắc Ái	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
182	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Bắc Ái Tây	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
183	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Bắc Ái Đông	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
184	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Bắc Khánh Vĩnh	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
185	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Bắc Ninh Hòa	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
186	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Cam An	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
187	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Cam Hiệp	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
188	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Cam Lâm	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
189	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Cà Ná	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
190	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Công Hải	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
191	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Diên Khánh	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
192	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Diên Lâm	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
193	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Diên Lạc	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
194	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Diên Thọ	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
195	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Diên Điền	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
196	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Hòa Trí	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
197	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Khánh Sơn	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
198	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Khánh Vĩnh	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
199	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Lâm Sơn	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
200	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Mỹ Sơn	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
201	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Nam Cam Ranh	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
202	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Nam Khánh Vĩnh	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
203	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Nam Ninh Hòa	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
204	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Ninh Hải	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
205	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Ninh Phước	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
206	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Ninh Sơn	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
207	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Phước Dinh	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
208	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Phước Hà	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
209	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Phước Hậu	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
210	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Phước Hữu	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20

211	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Suối Dầu	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
212	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Suối Hiệp	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
213	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Thuận Bắc	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
214	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Thuận Nam	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
215	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Trung Khánh Vĩnh	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
216	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Tu Bông	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
217	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Tây Khánh Sơn	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
218	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Tây Khánh Vĩnh	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
219	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Tây Ninh Hòa	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
220	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Vĩnh Hải	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
221	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Vạn Hưng	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
222	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Vạn Ninh	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
223	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Vạn Thắng	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
224	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Xuân Hải	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
225	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Đông Khánh Sơn	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
226	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Đại Lãnh	Ủy ban nhân dân xã	90,91	20
227	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Nông nghiệp và Môi trường - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	89,64	19,7
228	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND tỉnh Khánh Hòa	Tỉnh	83	18,3
229	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Tân Định	Ủy ban nhân dân xã	82,82	18,2
230	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Nha Trang	Ủy ban nhân dân xã	81,27	17,9
231	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Công Thương - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	80,91	17,8
232	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Tài chính - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	77,14	17
233	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Tây Nha Trang	Ủy ban nhân dân xã	76,27	16,8
235	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Tư pháp - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	71,77	15,8
236	Tổng hợp	Điểm dịch vụ trực tuyến	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Giáo dục và Đào tạo - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	68,18	15
239	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Dân tộc và Tôn giáo - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	100	18
240	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Xây dựng - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	100	18
241	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Cam Linh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
242	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Anh Dũng	Ủy ban nhân dân xã	100	18
243	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Bắc Ái	Ủy ban nhân dân xã	100	18
244	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Bắc Ái Tây	Ủy ban nhân dân xã	100	18
245	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Cà Ná	Ủy ban nhân dân xã	100	18
246	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Công Hải	Ủy ban nhân dân xã	100	18
247	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Diên Khánh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
248	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Diên Lạc	Ủy ban nhân dân xã	100	18
249	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Khánh Sơn	Ủy ban nhân dân xã	100	18
250	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Khánh Vĩnh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
251	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Nam Khánh Vĩnh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
252	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Ninh Sơn	Ủy ban nhân dân xã	100	18
253	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Phước Dinh	Ủy ban nhân dân xã	100	18
254	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Thuận Bắc	Ủy ban nhân dân xã	100	18
255	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Tây Khánh Sơn	Ủy ban nhân dân xã	100	18
256	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Xuân Hải	Ủy ban nhân dân xã	100	18
257	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Đông Khánh Sơn	Ủy ban nhân dân xã	100	18
258	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Nội vụ - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	99,94	18
259	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Suối Hiệp	Ủy ban nhân dân xã	99,94	18

260	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Diên Thọ	Ủy ban nhân dân xã	99,89	18
261	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Nông nghiệp và Môi trường - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	99,83	18
262	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Nam Cam Ranh	Ủy ban nhân dân xã	99,72	18
263	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Bắc Ái Đông	Ủy ban nhân dân xã	99,5	17,9
264	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Phan Rang	Ủy ban nhân dân xã	99,33	17,9
265	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Ninh Hải	Ủy ban nhân dân xã	99,33	17,9
266	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Tu Bông	Ủy ban nhân dân xã	99,28	17,9
267	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Đông Hải	Ủy ban nhân dân xã	99,22	17,9
268	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Hòa Thắng	Ủy ban nhân dân xã	99,17	17,9
269	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Tây Ninh Hòa	Ủy ban nhân dân xã	99,17	17,9
270	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Bảo An	Ủy ban nhân dân xã	99,11	17,8
271	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Nha Trang	Ủy ban nhân dân xã	99	17,8
272	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Bắc Khánh Vĩnh	Ủy ban nhân dân xã	99	17,8
273	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Lâm Sơn	Ủy ban nhân dân xã	98,83	17,8
274	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Cam An	Ủy ban nhân dân xã	98,78	17,8
275	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Tài chính - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	98,5	17,7
276	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Suối Dầu	Ủy ban nhân dân xã	98,28	17,7
277	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Giáo dục và Đào tạo - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	98,22	17,7
278	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Đại Lãnh	Ủy ban nhân dân xã	98,22	17,7
279	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Đô Vinh	Ủy ban nhân dân xã	98,17	17,7
280	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND tỉnh Khánh Hòa	Tỉnh	98,17	17,7
281	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Tư pháp - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	98	17,6
282	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Diên Điền	Ủy ban nhân dân xã	97,94	17,6
283	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Ba Ngòi	Ủy ban nhân dân xã	97,89	17,6
284	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Nam Nha Trang	Ủy ban nhân dân xã	97,78	17,6
285	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Nam Ninh Hòa	Ủy ban nhân dân xã	97,67	17,6
286	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Ninh Chữ	Ủy ban nhân dân xã	97,56	17,6
287	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Phước Hậu	Ủy ban nhân dân xã	97,33	17,5
288	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Ninh Hòa	Ủy ban nhân dân xã	97,28	17,5
289	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Phước Hữu	Ủy ban nhân dân xã	97,28	17,5
290	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Đông Ninh Hòa	Ủy ban nhân dân xã	97	17,5
291	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Khoa học và Công nghệ - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	96,72	17,4
292	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Cam Lâm	Ủy ban nhân dân xã	96,72	17,4
293	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Tân Định	Ủy ban nhân dân xã	96,72	17,4
294	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND Phường Cam Ranh	Ủy ban nhân dân xã	96,39	17,4
295	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Hòa Trí	Ủy ban nhân dân xã	96,22	17,3
296	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Thuận Nam	Ủy ban nhân dân xã	96,22	17,3
297	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Trung Khánh Vĩnh	Ủy ban nhân dân xã	96,22	17,3
298	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Vạn Hưng	Ủy ban nhân dân xã	95,94	17,3
299	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Tây Khánh Vĩnh	Ủy ban nhân dân xã	95,89	17,3
300	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Cam Hiệp	Ủy ban nhân dân xã	95,83	17,3
301	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Phước Hà	Ủy ban nhân dân xã	95,83	17,3
302	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Bắc Nha Trang	Ủy ban nhân dân xã	95,17	17,1

303	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	95,06	17,1
304	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Bắc Ninh Hòa	Ủy ban nhân dân xã	94,94	17,1
306	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Diên Lâm	Ủy ban nhân dân xã	94,61	17
307	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Vạn Thắng	Ủy ban nhân dân xã	94,28	17
308	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Vĩnh Hải	Ủy ban nhân dân xã	94,22	17
309	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Vạn Ninh	Ủy ban nhân dân xã	93,11	16,8
310	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Tây Nha Trang	Ủy ban nhân dân xã	91,72	16,5
311	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Bắc Cam Ranh	Ủy ban nhân dân xã	90,94	16,4
312	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	90,78	16,3
313	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Ninh Phước	Ủy ban nhân dân xã	90,44	16,3
314	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Mỹ Sơn	Ủy ban nhân dân xã	90,39	16,3
315	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Công Thương - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	89,39	16,1
316	Tổng hợp	Điểm mức độ hài lòng	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Y tế - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	66	11,9
317	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Anh Dũng	Ủy ban nhân dân xã	87,86	19,3
318	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Bảo An	Ủy ban nhân dân xã	87,82	19,3
319	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Ninh Sơn	Ủy ban nhân dân xã	87,82	19,3
320	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Tây Khánh Sơn	Ủy ban nhân dân xã	87,45	19,2
321	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Thuận Bắc	Ủy ban nhân dân xã	87,18	19,2
322	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Nam Khánh Vĩnh	Ủy ban nhân dân xã	87,09	19,2
323	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Khánh Sơn	Ủy ban nhân dân xã	86,82	19,1
324	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Tây Khánh Vĩnh	Ủy ban nhân dân xã	86,59	19,1
325	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Đại Lãnh	Ủy ban nhân dân xã	86,55	19
326	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Diên Khánh	Ủy ban nhân dân xã	86,36	19
327	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Công Hải	Ủy ban nhân dân xã	86,14	19
328	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Ninh Hải	Ủy ban nhân dân xã	85,86	18,9
329	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Cam Linh	Ủy ban nhân dân xã	85,5	18,8
330	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Phước Hậu	Ủy ban nhân dân xã	85,41	18,8
331	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Tu Bông	Ủy ban nhân dân xã	85,41	18,8
332	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Phước Hà	Ủy ban nhân dân xã	85,05	18,7
333	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Lâm Sơn	Ủy ban nhân dân xã	85	18,7
334	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Ninh Phước	Ủy ban nhân dân xã	85	18,7
335	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Phước Hữu	Ủy ban nhân dân xã	85	18,7
336	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Phan Rang	Ủy ban nhân dân xã	84,95	18,7
337	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Cà Ná	Ủy ban nhân dân xã	84,95	18,7
338	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Nông nghiệp và Môi trường - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	84,77	18,7
339	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Đông Khánh Sơn	Ủy ban nhân dân xã	84,64	18,6
340	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Vĩnh Hải	Ủy ban nhân dân xã	84,59	18,6
341	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	84,55	18,6
342	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Bắc Ái Tây	Ủy ban nhân dân xã	84,45	18,6
343	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Suối Dầu	Ủy ban nhân dân xã	84,41	18,6
344	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Diên Thọ	Ủy ban nhân dân xã	84,23	18,5
345	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Khoa học và Công nghệ - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	84,18	18,5

346	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Suối Hiệp	Ủy ban nhân dân xã	84,09	18,5
347	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Diên Điền	Ủy ban nhân dân xã	84,05	18,5
348	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Vạn Ninh	Ủy ban nhân dân xã	83,82	18,4
349	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Giáo dục và Đào tạo - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	83,77	18,4
350	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND tỉnh Khánh Hòa	Tỉnh	83,64	18,4
351	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Nam Cam Ranh	Ủy ban nhân dân xã	83,64	18,4
352	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Đông Hải	Ủy ban nhân dân xã	83,59	18,4
353	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Cam Lâm	Ủy ban nhân dân xã	83,5	18,4
354	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Cam Hiệp	Ủy ban nhân dân xã	83	18,3
355	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Đông Ninh Hòa	Ủy ban nhân dân xã	82,77	18,2
356	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Nội vụ - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	82,73	18,2
357	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Tài chính - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	82,41	18,1
358	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Diên Lạc	Ủy ban nhân dân xã	82,36	18,1
360	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Thuận Nam	Ủy ban nhân dân xã	82,32	18,1
361	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Bắc Ái	Ủy ban nhân dân xã	81,73	18
362	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Khánh Vĩnh	Ủy ban nhân dân xã	81,64	18
363	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Mỹ Sơn	Ủy ban nhân dân xã	81,55	17,9
364	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Công Thương - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	81	17,8
365	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Hòa Thắng	Ủy ban nhân dân xã	80,95	17,8
366	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Vạn Thắng	Ủy ban nhân dân xã	80,95	17,8
367	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Diên Lâm	Ủy ban nhân dân xã	80,86	17,8
368	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Bắc Nha Trang	Ủy ban nhân dân xã	80,73	17,8
369	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND Phường Cam Ranh	Ủy ban nhân dân xã	80,41	17,7
370	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Đô Vinh	Ủy ban nhân dân xã	79,95	17,6
371	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Xuân Hải	Ủy ban nhân dân xã	79,77	17,6
372	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Cam An	Ủy ban nhân dân xã	78,55	17,3
373	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Ba Ngòi	Ủy ban nhân dân xã	78,45	17,3
374	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Nam Nha Trang	Ủy ban nhân dân xã	78,14	17,2
375	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Bắc Khánh Vĩnh	Ủy ban nhân dân xã	78,14	17,2
376	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Nha Trang	Ủy ban nhân dân xã	78,05	17,2
377	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Bắc Cam Ranh	Ủy ban nhân dân xã	77,91	17,1
378	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Tây Nha Trang	Ủy ban nhân dân xã	77,91	17,1
379	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Phước Dinh	Ủy ban nhân dân xã	77,5	17,1
380	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Trung Khánh Vĩnh	Ủy ban nhân dân xã	77	16,9
381	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Ninh Hòa	Ủy ban nhân dân xã	76,27	16,8
382	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Hòa Trí	Ủy ban nhân dân xã	76,18	16,8
383	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Tân Định	Ủy ban nhân dân xã	75,41	16,6
384	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Nam Ninh Hòa	Ủy ban nhân dân xã	75,27	16,6
385	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Bắc Ninh Hòa	Ủy ban nhân dân xã	74,41	16,4
386	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Vạn Hưng	Ủy ban nhân dân xã	74,14	16,3
387	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Ninh Chữ	Ủy ban nhân dân xã	73,82	16,2
388	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Bắc Ái Đông	Ủy ban nhân dân xã	71,05	15,6

389	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	65,91	14,5
390	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Tây Ninh Hòa	Ủy ban nhân dân xã	65,05	14,3
391	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Xây dựng - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	63,82	14
392	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Y tế - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	61,55	13,5
393	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Tư pháp - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	61,18	13,5
394	Tổng hợp	Điểm số hóa hồ sơ	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Dân tộc và Tôn giáo - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	43,18	9,5
396	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Dân tộc và Tôn giáo - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	100	20
397	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Thuận Bắc	Ủy ban nhân dân xã	98,55	19,7
398	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Khánh Sơn	Ủy ban nhân dân xã	97,85	19,6
399	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Cà Ná	Ủy ban nhân dân xã	97,5	19,5
400	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Công Hải	Ủy ban nhân dân xã	96,65	19,3
401	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Tây Khánh Sơn	Ủy ban nhân dân xã	96,45	19,3
402	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Khánh Vĩnh	Ủy ban nhân dân xã	93,85	18,8
403	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Anh Dũng	Ủy ban nhân dân xã	93,55	18,7
404	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Đông Khánh Sơn	Ủy ban nhân dân xã	93,35	18,7
405	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Nam Khánh Vĩnh	Ủy ban nhân dân xã	93,3	18,7
406	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Bắc Ái Tây	Ủy ban nhân dân xã	93,05	18,6
407	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Bắc Ái	Ủy ban nhân dân xã	92,7	18,5
408	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Cam Linh	Ủy ban nhân dân xã	92,55	18,5
409	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Xuân Hải	Ủy ban nhân dân xã	92,05	18,4
410	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Xây dựng - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	91,3	18,3
411	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Phước Dinh	Ủy ban nhân dân xã	91,1	18,2
412	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Diên Khánh	Ủy ban nhân dân xã	90,6	18,1
413	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Ninh Sơn	Ủy ban nhân dân xã	90,5	18,1
414	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Diên Lạc	Ủy ban nhân dân xã	90,45	18,1
415	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Nội vụ - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	89,9	18
416	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Suối Hiệp	Ủy ban nhân dân xã	89,85	18
417	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Diên Thọ	Ủy ban nhân dân xã	89,65	17,9
418	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Nông nghiệp và Môi trường - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	89,5	17,9
419	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Nam Cam Ranh	Ủy ban nhân dân xã	89,3	17,9
420	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Bắc Ái Đông	Ủy ban nhân dân xã	88,65	17,7
421	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Y tế - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	88,25	17,7
422	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Ninh Hải	Ủy ban nhân dân xã	88,2	17,6
423	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Phan Rang	Ủy ban nhân dân xã	88,15	17,6
424	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Tu Bông	Ủy ban nhân dân xã	88	17,6
425	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Đông Hải	Ủy ban nhân dân xã	87,9	17,6
426	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Hòa Thắng	Ủy ban nhân dân xã	87,8	17,6
427	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Tây Ninh Hòa	Ủy ban nhân dân xã	87,8	17,6
428	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Bảo An	Ủy ban nhân dân xã	87,55	17,5
429	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Nha Trang	Ủy ban nhân dân xã	87,3	17,5
430	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Bắc Khánh Vĩnh	Ủy ban nhân dân xã	87,3	17,5
431	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Lâm Sơn	Ủy ban nhân dân xã	86,85	17,4
432	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Cam An	Ủy ban nhân dân xã	86,65	17,3
433	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Tài chính - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	86	17,2
434	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Suối Dầu	Ủy ban nhân dân xã	85,4	17,1
435	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Đại Lãnh	Ủy ban nhân dân xã	85,2	17

436	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Giáo dục và Đào tạo - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	85,15	17
437	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Đô Vinh	Ủy ban nhân dân xã	85,1	17
438	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND tỉnh Khánh Hòa	Tỉnh	85,1	17
439	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Tư pháp - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	84,55	16,9
440	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Diên Điện	Ủy ban nhân dân xã	84,45	16,9
441	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Ba Ngòi	Ủy ban nhân dân xã	84,35	16,9
442	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Nam Nha Trang	Ủy ban nhân dân xã	84	16,8
443	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Nam Ninh Hòa	Ủy ban nhân dân xã	83,7	16,7
444	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Ninh Chữ	Ủy ban nhân dân xã	83,35	16,7
445	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Phước Hậu	Ủy ban nhân dân xã	82,75	16,6
446	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Ninh Hòa	Ủy ban nhân dân xã	82,6	16,5
447	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Phước Hữu	Ủy ban nhân dân xã	82,6	16,5
448	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Đông Ninh Hòa	Ủy ban nhân dân xã	81,95	16,4
449	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Cam Lâm	Ủy ban nhân dân xã	81,15	16,2
450	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Tân Định	Ủy ban nhân dân xã	81,15	16,2
451	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Khoa học và Công nghệ - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	81,1	16,2
452	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND Phường Cam Ranh	Ủy ban nhân dân xã	80,2	16
453	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Hòa Trí	Ủy ban nhân dân xã	79,85	16
454	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Trung Khánh Vĩnh	Ủy ban nhân dân xã	79,85	16
455	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Thuận Nam	Ủy ban nhân dân xã	79,75	16
456	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Vạn Hưng	Ủy ban nhân dân xã	79	15,8
457	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Tây Khánh Vĩnh	Ủy ban nhân dân xã	78,85	15,8
458	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Cam Hiệp	Ủy ban nhân dân xã	78,8	15,8
459	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Phước Hà	Ủy ban nhân dân xã	78,7	15,7
460	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Bắc Nha Trang	Ủy ban nhân dân xã	76,95	15,4
461	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	76,65	15,3
462	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Bắc Ninh Hòa	Ủy ban nhân dân xã	76,35	15,3
464	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Diên Lâm	Ủy ban nhân dân xã	75,45	15,1
465	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Vạn Thắng	Ủy ban nhân dân xã	74,6	14,9
466	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Vĩnh Hải	Ủy ban nhân dân xã	74,4	14,9
467	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Vạn Ninh	Ủy ban nhân dân xã	71,4	14,3
468	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Tây Nha Trang	Ủy ban nhân dân xã	67,7	13,5
469	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND phường Bắc Cam Ranh	Ủy ban nhân dân xã	65,55	13,1
470	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	65,15	13
471	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Ninh Phước	Ủy ban nhân dân xã	64,15	12,8
472	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	UBND xã Mỹ Sơn	Ủy ban nhân dân xã	64	12,8
473	Tổng hợp	Điểm tiến độ giải quyết	UBND tỉnh Khánh Hòa	Sở Công Thương - tỉnh Khánh Hòa	Sở ban ngành	61,4	12,3